TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 17 tháng 01 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)
Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương
Ngày thi: 15/01/2023

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Nông Thị Huyền My	8,50	Tám phẩy năm
2	Hoàng Thị Chao	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Lôi Thị Chao	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Lý Thị Mùi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Trần Huệ Chi	7,50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	8,00	Tám
5	Đàm Quang Chiến	7,50	Bảy phẩy năm	45	Nông Thị Ngâm	8,00	Tám
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	8,00	Tám
7	Đàm Đức Dũng		***Thôi học***	47	Nguyễn Thị Nhã	8,00	Tám
8	Phạm Ngọc Điệp	7,50	Bảy phẩy năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Nguyễn Minh Đoàn	6,50	Sáu phẩy năm	49	Ma Thị Oanh	8,00	Tám
10	Lã Thị Giang	8,00	Tám	50	Lý Thị Phúc	8,00	Tám
11	Đinh Văn Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Ngân Hà	8,00	Tám	52	Hoàng Hải Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,00	Bảy	53	Phùng Thị Quỳnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hằng	8,00	Tám	55	Phạm Thị Tài	8,00	Tám
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tình	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Đỗ Thị Hằng	8,00	Tám	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	6,50	Sáu phẩy năm	58	Nông Quốc Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	8,00	Tám	59	Nguyễn Thị Thuận	8,00	Tám
20	Lục Minh Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	8,00	Tám
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,50	Bảy phẩy năm
22	Hoàng Thị Hoan	8,00	Tám	62	Mã Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
23	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	63	La Thị Minh Thứ	8,00	Tám
24	Vũ Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	8,00	Tám
25	Đồng Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Bế Thị Thanh Thủy	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
27	Vũ Thị Lan Hương	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lăng Thị Thủy	8,00	Tám
28	Phạm Thị Lan Hương	7,50	Bảy phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Nông Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	69	Phan Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lý Ánh Hường	8,00	Tám	70	Lương Quang Tuấn	8,25	Tám phẩy hai năm
31	Lục Đức Khánh		***Thôi học***	71	Nguyễn Thị Tuyển	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Lục Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	8,00	Tám
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bế Xuân Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,50	Tám phẩy năm	74	Hoàng Trường Vương	7,50	Bảy phẩy năm
35	Phan Khánh Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	6,50	Sáu phẩy năm
36	Phan Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nguyễn Hải Yến	8,00	Tám
37	Hoàng Thị Liền	7,50	Bảy phẩy năm	77	Đàm Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Thị Thúy Lưu	8,00	Tám	78	Trần Thị Bạch Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Đinh Thị Lụa	8,00	Tám	79	Lương Thị Hải Yến	7,50	Bảy phẩy năm
40	Hà Vũ Mạnh	7,50	Bảy phẩy năm	80	Triệu Kim Ngân (K03)	7,75	Bảy phẩy bảy năm
				81	Đinh Thị Hậu (K11)	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 23 điểm; Điểm 7,75: 10 điểm; Điểm 8,00: 28 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm; Điểm 8,50: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Triệu Văn Lượng	**Đoàn Thị Vân Thúy**	**Trịnh Thị Ánh Hoa**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG